

## TỜ TRÌNH

( V/v: Đề nghị phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 )

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

### Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
  - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02;
  - Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02;
  - Đề nghị điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 7 và tình hình điều kiện thực tế hoạt động SXKD của Công ty
- Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt và thông qua kế hoạch điều chỉnh công tác sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 cụ thể như sau:

T T	Diễn giải	Đơn vị	Thực hiện năm 2021		Kế hoạch năm 2022
			Kế hoạch	Thực hiện	
<b>A</b>	<b>Sản lượng và doanh thu</b>	<b>Đồng</b>			
1	Sản lượng điện thương phẩm	Kwh	30.062.570	33.920.252	33.510.470
2	Doanh thu điện thương phẩm	Đồng	36.055.874.537	42.520.005.436	42.087.291.809
3	Doanh thu TC, thu nhập khác	Đồng	0	2.485.116	
<b>B</b>	<b>Tổng chi phí SXKD</b>	<b>Đồng</b>	<b>39.980.660.068</b>	<b>37.321.986.790</b>	<b>35.830.870.263</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản chi phí trực tiếp</b>	<b>Đồng</b>	<b>23.477.789.441</b>	<b>21.505.899.520</b>	<b>23.241.688.248</b>
1	Chi phí nhân công vận hành	Đồng	2.133.202.093	2.186.445.839	2.314.455.040
2	Chi phí sản xuất chung	Đồng	21.344.587.348	19.319.453.681	20.927.233.208
	<i>Trong đó: + Chi phí khấu hao</i>	<i>Đồng</i>	<i>12.483.279.278</i>	<i>12.431.250.252</i>	<i>12.483.279.278</i>
	<i>+ Thuế TN, MTR, CQ</i>	<i>Đồng</i>	<i>4.277.094.427</i>	<i>4.742.894.804</i>	<i>4.767.637.779</i>
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Đồng</b>	<b>2.132.870.626</b>	<b>2.658.188.675</b>	<b>1.645.734.556</b>
-	Chi phí tiền lương và BHXH	Đồng	804.811.586	901.558.077	1.029.217.982
-	Chi phí vật liệu quản lý	Đồng	141.424.000	68.000.647	98.024.974
-	Chi phí đồ dùng văn phòng	Đồng	41.690.000	13.570.000	31.690.000
-	Chi phí khấu hao TSCĐ	Đồng	0	0	0
-	Thuế và lệ phí	Đồng	18.000.000	10.216.043	12.000.000
-	Chi phí dịch vụ thuê ngoài	Đồng	334.169.040	250.579.664	154.893.600
-	Chi phí dự phòng	Đồng	300.000.000	1.235.920.333	0



-	Chi bằng tiền khác	Đồng	492.776.000	178.343.911	319.908.000
<b>III</b>	<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>Đồng</b>	<b>13.470.000.000</b>	<b>12.113.879.603</b>	<b>10.943.447.459</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>Đồng</b>	<b>0</b>	<b>144.018.992</b>	<b>0</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí lợi thế thương mại</b>	<b>Đồng</b>	<b>900.000.000</b>	<b>900.000.000</b>	<b>0</b>
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Đồng</b>	<b>(3.924.785.531)</b>	<b>5.200.503.763</b>	<b>6.256.421.546</b>
<b>D</b>	<b>Giá trị đầu tư</b>	<b>Đồng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>5.000.000.000</b>
1	Dự án thủy điện Nậm Thi 1	Đồng	5.000.000.000	0	5.000.000.000
2	Dự án thủy điện Nậm Thi 2	Đồng	0	0	0

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và phê duyệt thông qua để làm cơ sở thực hiện

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi
- Lưu VP/HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hữu Nhuận**

